

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DSPT

Ngày: 07/4/2021

V/v: *Tranh chấp thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Tuyết Mai;

Các thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh;

Ông Nguyễn Hữu Hòa;

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 09/2020/TLPT – DS ngày 21/10/2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐXX-PT ngày 03/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Văn H - Công ty luật TNHH Hoàng Anh, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ: Phòng 304.1 tòa nhà T, số 10 N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Công chứng T, địa chỉ: T, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tất T - Trưởng văn phòng (xin xét xử vắng mặt);

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Tượng H, sinh năm 1977; HKTT: Xóm Bắc, thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1983; HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Mẹ chị là bà Nguyễn Thị Phiên, sinh ngày 05/02/1957 (chết ngày 10/5/2019) kết hôn với bố chị là ông Nguyễn Văn Đ từ năm 1979. Chị là con chung duy nhất của ông Đ và bà Phiên. Năm 1989, bố mẹ chị có mua được mảnh đất diện tích 151,3m² và xây nhà hai tầng tại thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2000, bố mẹ chị phát sinh mâu thuẫn do bố chị có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã T. Trong thời gian giải quyết ly hôn thì mẹ chị chết, trước khi chết ngày 08/5/2019 mẹ chị có lập di chúc, đã được công chứng ngày 11/5/2019 tại Văn phòng công chứng Tất Thắng, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là VPCC Tất Thắng). Nội dung di chúc như sau:

“Tôi – Nguyễn Thị Phiên có quyền sử dụng (một phần) đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 006968 do UBND thị xã T cấp ngày 25/11/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955, CMND số: 125556588 và bà Nguyễn Thị Phiên, sinh năm 1957, CMND số 125699180, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61.
- Địa chỉ: thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.
- Diện tích: 151,3m² (bằng chữ: Một trăm năm mươi một phẩy ba mét vuông).
- H thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
- Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Sau khi tôi – Nguyễn Thị Phiên qua đời, phần quyền sử dụng của tôi đối với thửa đất là tài sản chung hộ gia đình nêu trên sẽ được để lại thừa kế cho con gái của tôi có tên sau: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 02/5/1981. CMND số 125042099 do Công an Bắc Ninh cấp ngày 05/10/2015; Hộ khẩu thường trú: xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh”.

Nay chị L yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thừa kế theo di chúc là phần đất diện tích 151,3m² tại thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh của mẹ chị cho chị theo quy Đ của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chia cho chị được sử dụng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Vợ ông là bà Nguyễn Thị Phiên, sinh năm 1957 đã chết ngày 10/5/2019. Vợ chồng ông có một con chung là Nguyễn Thị Hồng L sinh ngày 02/05/1981 nay đã lập gia đình và ở riêng. Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61, diện tích 151,3m² tại thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc

Ninh (*viết tắt là* thửa đất số 178) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là* giấy CNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 006968 do UBND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/11/2014 mang tên ông và bà Nguyễn Thị Phiên.

Đối với nội dung di chúc của bà Nguyễn Thị Phiên lập vào ngày 08/5/2019, ông cho rằng di chúc này không đúng với thực tế do thời gian lập di chúc không hợp L, bà Phiên chết ngày 10/5/2019, trước đó ngày 09/5/2019 bà Phiên đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh. Khi bà Phiên chết thì chị L và ông đều không biết gì về bệnh tật của bà Phiên. Nội dung di chúc thể hiện ý chí của bà Phiên thì ông không đồng ý, vitoàn bộ tiền mua đất do ông bỏ ra, việc ly hôn và chia tài sản giữa ông và bà Phiên cũng chưa giải quyết xong. Do đó, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận di chúc của bà Phiên.

Quá trình giải quyết vụ án ông có đề nghị Tòa án lập Hội đồng thẩm Đ di chúc, sau đó ông không yêu cầu mà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, VPCC Tất Thắng do ông Nguyễn Tất Thắng - Trưởng văn phòng trình bày: Ngày 11/05/2019, ông Nguyễn Tượng H, sinh năm 1977; HKTT: xóm Bắc, thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh và ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1983; HKTT: thôn Tư Tri, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có đến VPCC Tất Thắng yêu cầu Công chứng viên chứng thực chữ ký trong Văn bản cam kết của người làm chứng đối với việc lập di chúc miệng của bà Nguyễn Thị Phiên. Ông Nguyễn Tượng H và ông Nguyễn Trọng T1 đã lập Văn bản cam kết của người làm chứng đối với việc lập di chúc miệng của bà Nguyễn Thị Phiên với tư cách là người làm chứng. Trước sự chứng kiến của Công chứng viên Nguyễn Tất Thắng, ông Nguyễn Tượng H và ông Nguyễn Trọng T1 đã ký, điểm chỉ vào Văn bản cam kết. Công chứng viên đã chứng thực chữ ký của ông Nguyễn Tượng H và ông Nguyễn Trọng T1 theo đúng quy trình và quy Đ của pháp luật tại VPCC Tất Thắng. Bản thân Công chứng viên Nguyễn Tất Thắng đã thực hiện việc chứng thực chữ ký đối với Văn bản cam kết theo đúng quy Đ của pháp luật.

Những người làm chứng: Anh Nguyễn Tượng H và anh Nguyễn Trọng T1 trình bày: Ngày 08/5/2019, tại nhà chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (con gái của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phiên). Các anh có tham gia chứng kiến, làm chứng việc lập di chúc miệng của bà Nguyễn Thị Phiên với nội dung như sau: Sau khi bà qua đời, bà sẽ để lại và chuyển cho con gái bà là chị Nguyễn Thị Hồng L được toàn quyền quản L, sử dụng tài sản là đất và tài sản trên thửa đất số 178 theo giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 006968 do UBND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/11/2014 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phiên.

Ngày 11/05/2019, tại VPCC Tất Thắng, địa chỉ: số 33 L Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, các anh có tham gia chứng kiến và ký vào Văn bản cam kết của người làm chứng đối với việc lập di chúc miệng của bà Phiên.

Thời điểm lập di chúc miệng của bà Phiên đảm bảo đúng theo trình tự pháp luật quy Đ. Khi đó bà Nguyễn Thị Phiên đều biết, minh mẫn, sức khỏe bình thường, đầu óc tỉnh táo, không bị ai ép buộc. Ý chí của bà Phiên lúc lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện. Tại Văn bản cam kết các anh đã cam kết việc làm chứng đối với việc lập di chúc miệng là đúng theo quy Đ của pháp luật.

Với nội dung như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 624, 625, 626, 629, 630, 631, 632, 634, 659 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 98, Điều 99, Điều 167 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

Di sản chia thừa kế theo di chúc gồm: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61, diện tích 151,3m² tại thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; 01 nhà hai tầng xây năm 1991 kết cấu tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramix trên có chống nóng lợp phibro, cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm 2, nhà có cải tạo lại và hoàn thiện năm 1998, tổng diện tích sàn là 134,1 m²; 01 nhà cấp bốn dùng để bán hàng, xây tường gạch, sân bê tông cốt thép, nền lát gạch bông, tường trong nhà quét vôi ve, cửa đi nhôm kính có diện tích 65,25m²; sân giữa nhà trên và nhà dưới lát gạch bông, trên có khung sắt mái lợp tôn diện tích 19m².

Chia cụ thể như sau:

1. Chia cho ông Nguyễn Văn Đ: Được quyền sử dụng một phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61 với diện tích 75,7m² x 4.185.000đ/m² = 316.804.500đ (*ba trăm mười sáu triệu tám trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng*) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, B, A có tứ cận theo sơ đồ chi tiết kèm theo và được sở hữu các tài sản sau:

- Nhà ở được giới hạn bởi các điểm 1, C1, C2, C8, C7, A có diện tích sàn 41,08m² x 2 tầng x 1.088.000đ/m² = 89.390.080đ (*tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn không trăm tám mươi đồng*).

- Sân gạch được giới hạn bởi các điểm C2, C3, C4, C7, C8 có diện tích 2,6m² x 315.900đ/m² = 821.340đ (*tám trăm hai mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng*).

- Nhà cấp bốn bán hàng được giới hạn bởi các điểm C1, 2, B, C4, C3, C2 có diện tích 32,45m² x 153.400đ/m² = 4.977.830đ (*bốn triệu chín trăm bảy bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng*).

2. Chia cho chị Nguyễn Thị Hồng L: Được quyền sử dụng một phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61 với diện tích 75,6m² x 4.185.000đ/m² = 316.386.000đ (*ba trăm mười sáu triệu ba trăm tám sáu nghìn đồng*) được giới hạn bởi các điểm A, B, 3, 4 có tứ cận theo sơ đồ chi tiết kèm theo và được sở hữu các tài sản sau:

- Nhà ở được giới hạn bởi các điểm A, C7, C6, 4 có diện tích sàn $25,97\text{m}^2 \times 2 \text{ tầng} \times 1.088.000\text{đ}/\text{m}^2 = 56.510.720\text{đ}$ (lăm mươi sáu triệu lăm trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

- Sân gạch được giới hạn bởi các điểm C7, C4, C5, C6 có diện tích $16,4\text{m}^2 \times 315.900\text{đ}/\text{m}^2 = 5.180.760\text{đ}$ (lăm triệu một trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

- Nhà cấp 4 bán hàng được giới hạn bởi các điểm C4, B, 3, C5 có diện tích $32,8\text{m}^2 \times 153.400\text{đ}/\text{m}^2 = 5.031.520\text{đ}$ (lăm triệu không trăm ba một nghìn lăm trăm hai mươi đồng).

Chị Nguyễn Thị Hồng L phải trích trả cho ông Nguyễn Văn Đ giá trị tài sản trên phần diện tích đất được chia tổng cộng là $66.723.000\text{đ}$ (sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Đ được chia là $478.716.750\text{đ}$ (bốn trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm lăm mươi đồng).

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị Hồng L được chia là $316.386.000\text{đ}$ (ba trăm mười sáu triệu ba trăm tám sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, các chi phí khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2020 ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy một phần bản án về việc chia thừa kế phần quyền sử dụng đất và không công nhận tính hợp pháp của di chúc miện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc ông Đ là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và trích chia cho ông Đ $2/3$ một suất thừa kế theo quy Đ tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều đã tuân thủ các thủ tục tố tụng theo quy Đ của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, sửa án sơ thẩm và buộc chị Nguyễn Thị Hồng L phải trích trả ông Nguyễn Văn Đ $2/3$ suất thừa kế theo quy Đ của pháp luật là $118.0780.000\text{đ}$.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nộp trong hạn luật Đ, nên được Tòa án chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị Phiên sinh được một người con là chị Nguyễn Thị Hồng L; ông Đ và bà Phiên không có người con nuôi, con riêng nào khác. Bà Nguyễn Thị Phiên chết ngày 10/5/2019, khi bà Phiên chết có để lại di chúc bằng miệng. Chị Nguyễn Thị L là con của ông bà đã khởi kiện đề nghị chia di sản của bà Phiên để lại. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã T đã thụ L và giải quyết quan hệ trong vụ án này là tranh chấp thừa kế tài sản là đúng thẩm quyền.

[2] Nội dung: Tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phiên được các đương sự thừa nhận và không phải chứng minh là: Thửa đất số 178 trị giá 634.000.000đ, các tài sản có trên đất gồm: 01 nhà hai tầng xây năm 1991 kết cấu tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramix; nhà có cải tạo lại và hoàn thiện năm 1998, tổng diện tích sàn là 134,1m² và 01 nhà cấp bốn dùng để bán hàng, xây tường gạch, sàn bê tông cốt thép, nền lát gạch bông, tường trong nhà quét vôi ve, cửa đi nhôm kính có diện tích 65,25m²; sân giữa nhà trên và nhà dưới lát gạch bông, trên có khung sắt mái lợp tôn diện tích 19m², có tổng giá trị 161.102.250đ. Tổng tài sản chung của ông Đ và bà Phiên là 795.102.250đ, do đó phần tài sản của mỗi người là $795.102.250đ : 2 = 397.551.125đ$.

Di sản thừa kế của bà Phiên để lại bằng 1/2 khối tài sản chung của ông Đ và bà Phiên là 397.551.125đ. Do bà Phiên lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản của mình cho chị L nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế là 1/2 khối tài sản chung của ông Đ và bà Phiên là đúng quy Đ của pháp luật.

Xem xét tính hợp pháp của di chúc bằng miệng của bà Phiên: Theo quy Đ tại khoản 5 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng”*.

Như vậy, do bị bệnh ung thư nên bà Phiên lập di chúc miệng vào ngày 08/5/2019, khi lập di chúc có hai người làm chứng là anh Nguyễn Tượng H và anh Nguyễn Trọng T1 đã ghi lại những lời nói của bà Phiên thành văn bản, hai anh ký tên, lập văn bản cam kết chữ ký trong di chúc và đã được chứng thực trong thời hạn pháp luật quy Đ nên di chúc hợp pháp theo quy Đ của pháp luật. Về tư cách người làm chứng thì anh H, anh T1 đều đủ điều kiện là người làm chứng hợp pháp theo quy Đ tại Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản di chúc miệng của bà Phiên lập ngày 08/5/2019 là hợp pháp và được công nhận. Theo di chúc, bà Phiên để lại toàn bộ tài sản của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái là chị Nguyễn Thị Hồng L được hưởng thừa kế là hợp pháp.

Tuy nhiên, ông Đ là chồng bà Phiên vẫn còn sống tại thời điểm mở thừa kế của bà Phiên, mặc dù theo di chúc ông Đ không được hưởng thừa kế tài sản của bà Phiên, nhưng theo quy Đ tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Đ có đủ điều kiện được hưởng di sản không phụ thuộc vào di chúc. Do vậy, ông Đ vẫn được hưởng di sản bằng 2/3 một suất chia thừa kế nếu chia theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã thiếu sót trong việc không xem xét đối với những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, xét thấy cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Di sản thừa kế của bà Phiên như đã phân tích ở trên có trị giá 397.551.125đ, theo quy Đ tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Đ được hưởng di sản của bà Phiên để lại là: $397.551.125đ : 2 \times 2/3 = 132.517.000đ$ (làm tròn).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả ông Đ và chị L đều mong muốn nhận di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử thấy diện tích thửa đất số 178 đủ điều kiện để tách thửa theo quy Đ số 11 ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy Đ về hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất giao đất trồng; đồi núi trọc; đất có mặt nước chưa sử dụng; diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi thửa đất số 178 cho ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng L là phù hợp với quy Đ của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho đương sự nên cần giữ nguyên. Phần tài sản ông Đ được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào di chúc của bà Phiên là 132.517.000đ cần buộc chị L phải trích trả ông Đ bằng tiền là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị L tự nguyện trả cho ông Đ trị giá tài sản trên đất là 66.723.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị không đồng ý vì chị đã phải trả cho ông Đ 2/3 suất thừa kế nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị L.

Như vậy, tài sản được chia cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Đ được chia:

- Tài sản thừa kế của bà Phiên: 132.517.000đ.

- Tài sản của ông Đ được chia trong khối tài sản chung vợ chồng: $75,7m^2$ đất $\times 4.185.000đ/m^2 = 316.804.500đ$; nhà ở diện tích sàn $41,08m^2 \times 2$ tầng $\times 1.088.000đ/m^2 = 89.390.080đ$; sân gạch $2,6m^2 \times 315.900đ/m^2 = 821.340đ$; nhà cấp 4 bán hàng $32,45m^2 \times 153.400đ/m^2 = 4.977.830đ$. Tổng giá trị giá tài sản là 411.993.250đ, như vậy tài sản chung vợ chồng ông Đ được chia nhiều hơn tài sản ông Đ có là: $411.993.250đ - 397.551.125đ = 14.442.000đ$.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng L được chia:

- $75,6m^2$ đất $\times 4.185.000đ/m^2 = 316.386.000đ$; nhà ở diện tích sàn $25,97m^2 \times 2$ tầng $\times 1.088.000đ/m^2 = 56.510.720đ$; sân gạch $16,4m^2 \times 315.900đ/m^2 = 5.180.760đ$; nhà cấp 4 bán hàng $32,8m^2 \times 153.400đ/m^2 = 5.031.520đ$. Tổng trị giá tài sản chị Nguyễn Thị Hồng L được chia là 383.109.000đ.

Do ông Đ thuộc trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên ông Đ vẫn được hưởng di sản của bà Phiên để lại, tương ứng giá trị là 132.517.000đ. Chị L là người được thừa kế duy nhất trong di chúc của bà Phiên nên chị L phải trích trả cho ông Đ là 132.517.000đ.

Tuy nhiên, do ông Đ được chia nhiều hơn phần tài sản mình có là 14.442.000đ nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền chị L phải trả cho ông Đ. Cụ thể, chị L còn phải trả ông Đ là: $132.517.000đ - 14.442.000đ = 118.075.000đ$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và sửa án sơ thẩm.

[3] Án phí: Do ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi và kháng cáo của ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Lệ phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L tự nguyện chịu cả chi phí thẩm Đ và Đ giá tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 624, 625, 626, 629, 630, 631, 632, 634, 644, 659 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 98, Điều 99, Điều 167 Luật đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

3. Xác nhận tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phiên gồm: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61, diện tích 151,3m² tại thôn T, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; 01 nhà 02 tầng xây năm 1991 kết cấu tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramix, trên có chống nóng lợp phibro, cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm 2, nhà có cải tạo lại và hoàn thiện năm 1998, tổng diện tích sàn là 134.1 m²; 01 nhà cấp 4 dùng để bán hàng, xây tường gạch, sàn bê tông cốt thép, nền lát gạch bông, tường trong nhà quét vôi ve, cửa đi nhôm kính có diện tích 65,25m²; sân giữa nhà trên và nhà dưới lát gạch bông, trên có khung sắt mái lợp tôn diện tích 19m². Tổng trị giá tài sản là 795.102.250đ.

4. Di sản thừa kế của bà Phiên là 1/2 khối tài sản chung của Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phiên, có trị giá 397.551.125đ.

5. Phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế:

5.1. Ông Nguyễn Văn Đ được chia:

- Tài sản của ông Đ được chia từ tài sản chung vợ chồng: Quyền sử dụng một phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61 với diện tích 75,7m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, B, A và được sở hữu các tài sản sau: Nhà ở được giới hạn bởi các điểm 1, C1, C2, C8, C7, A có diện tích sàn 41,08m² x 2 tầng; sân gạch được giới hạn bởi các điểm C2, C3, C4, C7, C8 có diện tích 2,6m²; nhà cấp 4 bán hàng được giới hạn bởi các điểm C1, 2, B, C4, C3, C2 có diện tích 32,45m². Tương ứng với giá trị tài sản là: 411.993.250đ

- Tài sản được thừa kế của bà Phiên: 132.517.000đ (gồm 118.075.000đ do chị L trả, còn lại là giá trị tài sản trên phần đất đã giao cho ông Đ).

5.2. Chị Nguyễn Thị Hồng L được chia:

Quyền sử dụng một phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 61 với diện tích 75,6m² được giới hạn bởi các điểm A, B, 3, 4 và được sở hữu các tài sản sau: nhà ở được giới hạn bởi các điểm A, C7, C6, 4 có diện tích sàn 25,97m² x 2 tầng; sân gạch được giới hạn bởi các điểm C7, C4, C5, C6 có diện tích 16,4m²; nhà cấp 4 bán hàng được giới hạn bởi các điểm C4, B, 3, C5 có diện tích 32,8m². Tương ứng với giá trị tài sản là 383.109.000đ nhưng chị Nguyễn Thị Hồng L còn phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ giá trị 2/3 suất thừa kế là 118.075.000đ. *(có sơ đồ kèm theo bản án)*.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Đ được chia là 544.510.000đ (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị Hồng L được chia là 265.034.000đ (*hai trăm sáu mươi năm triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng L có trách nhiệm gia cố đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được chia để đảm bảo giá trị sử dụng đối với phần diện tích đất được chia theo quy Đ của pháp luật hiện hành. Ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng L có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản theo quy Đ của pháp luật.

6. Án phí: Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đ 300.000đ tạm ứng tại biên lai số AA/2019/0003649 ngày 03/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 13.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 18.000.000đ tại Biên lai số AA/2017/0002327 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Hồng L 4.700.000đ tại Biên lai số AA/2017/0002327 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015,

trừ trường hợp pháp luật có quy Đ khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự và mục 4, 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tx T;
- Chi cục THADS tx T;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai